

BAN CƠ YẾU CHÍNH PHỦ Số: 4521/HD-BQP

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

VĂN
BẢN
ĐIỆN
TỬ
ĐẾN

Số: 2452
Ngày: 25/06/2026
Chuyên:.....

HƯỚNG DẪN

Thực hiện đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự theo quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

Ngày 16/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 22/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, trong đó quy định “*Bộ, cơ quan ngang bộ hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp chuyên ngành đối với lĩnh vực quản lý của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; thực hiện kiểm tra việc giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại Nghị định này do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện*” (khoản 6 Điều 66).

Ngày 10/12/2025, Quốc hội khóa XV ban hành Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, trong đó quy định “*Ban Cơ yếu Chính phủ giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về mật mã dân sự và an ninh mạng thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật*” (khoản 4 Điều 39). Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

Để kịp thời triển khai quy định tại Luật An ninh mạng năm 2025 và Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ, nhằm bảo đảm việc thực hiện thống nhất hoạt động đăng ký đánh giá sự phù hợp chuyên ngành mật mã dân sự trên phạm vi cả nước, Bộ Quốc phòng trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp triển khai một số nội dung sau:

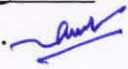
1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc có chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thực hiện đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự.

(Có hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2. Cung cấp thông tin của cơ quan chuyên môn trực thuộc được giao thực hiện đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự gửi về Bộ Quốc phòng (qua Ban Cơ yếu Chính phủ), gồm các thông tin sau: tên cơ quan, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, thư điện tử.

3. Công bố thông tin của cơ quan chuyên môn trực thuộc được giao thực hiện đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh/thành phố để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân biết.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các UBND tỉnh, thành phố liên hệ với Bộ Quốc phòng (qua Ban Cơ yếu Chính phủ) để phối hợp giải quyết.

Thông tin liên hệ: Cục Quản lý mật mã dân sự và Kiểm định sản phẩm mật mã/Ban Cơ yếu Chính phủ, địa chỉ: số 23 Ngụy Như Kon Tum, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội; số điện thoại: 024-3775.6896; thư điện tử: info@nacis.gov.vn (hoặc đồng chí Lê Hồng Quân, số điện thoại: 0522.855.558)./. 

Nơi nhận:

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Đ/c Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Văn phòng/BQP;
- Cục Pháp chế/BQP;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Lưu: VT, BCY. HL39.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Đại tướng Nguyễn Tân Cương

Phụ lục
HƯỚNG DẪN CHI TIẾT THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ

(Kèm theo Hướng dẫn số 4521/HD-BQP ngày 15 /6/2026 của Bộ Quốc phòng)

PHẦN 1
HƯỚNG DẪN CHUNG

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự.
2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định sản phẩm mật mã dân sự.
3. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự; tổ chức, doanh nghiệp đăng ký cấp Giấy chứng nhận đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

PHẦN 2
HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

I. CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc có chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự.

2. Điều kiện đăng ký

a) Tổ chức hoặc doanh nghiệp nộp hồ sơ bắt buộc phải được thành lập dưới một trong 04 loại hình pháp lý sau đây: Đơn vị sự nghiệp; Tổ chức khoa học và công nghệ; Tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoặc Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài được thành lập, hoạt động tại Việt Nam;

b) Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành về mật mã dân sự;

(Chữ ký)

c) Có ít nhất 06 thử nghiệm viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), trong đó có ít nhất 01 thử nghiệm viên chính thức có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực bảo mật, an toàn thông tin hoặc có trình độ đại học chuyên ngành khác và có chứng chỉ đào tạo về bảo mật, an toàn thông tin.

- Thử nghiệm viên chính thức của tổ chức được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành đối với sản phẩm mật mã dân sự; được đào tạo sử dụng thiết bị, phương pháp, quy trình thử nghiệm đối với lĩnh vực mật mã dân sự;

3. Hồ sơ đăng ký (01 bộ)

a) Trường hợp cấp mới

- Đơn đăng ký hoạt động thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (Nghị định số 22/2026/NĐ-CP);

- Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và điểm c khoản 2 mục I Phần II hướng dẫn này;

- Danh sách máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm đối với lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP;

- Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký thử nghiệm: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận;

+ Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động thử nghiệm rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành sản phẩm mật mã dân sự đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP;

+ Trường hợp tổ chức thử nghiệm chưa được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP;

- Mẫu Phiếu kết quả thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự.

b) Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi

- Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP;

- Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên bổ sung, sửa đổi gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao chứng chỉ đào tạo tương ứng quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và điểm c khoản 2 mục I Phần II hướng dẫn này. Trường hợp thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện, tổ chức thử nghiệm có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của thử nghiệm viên;

- Danh sách bổ sung, sửa đổi máy móc, thiết bị, dụng cụ thử nghiệm, đo lường phục vụ hoạt động thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP;

- Các tài liệu chứng minh năng lực hoạt động thử nghiệm bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký thử nghiệm: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

+ Trường hợp tổ chức thử nghiệm đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động thử nghiệm rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

+ Trường hợp tổ chức thử nghiệm chưa được công nhận: tổ chức thử nghiệm nộp bản công bố năng lực thử nghiệm phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

c) Trường hợp cấp lại, hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

d) Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự, tổ chức thử nghiệm phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp thử nghiệm viên của tổ chức thử nghiệm có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định, tổ chức thử nghiệm có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của thử nghiệm viên, không phải nộp các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi thử nghiệm viên đó.

4. Hình thức nộp hồ sơ

Tổ chức thử nghiệm nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Hồ sơ nộp trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức thử nghiệm nộp hồ sơ bản giấy theo quy định bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

5. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự

a) Trường hợp cấp mới:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo yêu cầu tổ chức thử nghiệm sửa đổi, bổ sung;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức thử nghiệm theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức thử nghiệm có địa chỉ trụ sở chính khác địa chỉ đặt phòng thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự, trong Giấy chứng nhận này phải làm rõ địa chỉ của phòng thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự;

- Giấy chứng nhận có hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

b) Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi

- Giấy chứng nhận được cấp bổ sung, sửa đổi áp dụng đối với trường hợp tổ chức thử nghiệm bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự;

- Trình tự cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại điểm a, mục này;
- Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

c) Trường hợp cấp lại

- Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức thử nghiệm có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng;

- Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức thử nghiệm có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức thử nghiệm. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do;

- Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm sản phẩm mật mã dân sự đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

II. CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc có chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự.

2. Điều kiện đăng ký

a) Tổ chức hoặc doanh nghiệp nộp hồ sơ bắt buộc phải được thành lập dưới một trong 04 loại hình pháp lý sau đây: Đơn vị sự nghiệp; Tổ chức khoa học và công nghệ; Tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoặc Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài được thành lập, hoạt động tại Việt Nam.

b) Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực giám định về sản phẩm mật mã dân sự;

c) Có ít nhất 06 giám định viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), trong đó ít nhất 02 giám định viên chính thức có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực bảo mật, an toàn thông tin hoặc có trình độ đại học chuyên ngành khác và có chứng chỉ đào tạo về bảo mật, an toàn thông tin.

Giám định viên chính thức của tổ chức đáp ứng các điều kiện sau:

- Được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực giám định đối với sản phẩm mật mã dân sự;

- Có kinh nghiệm ít nhất 02 năm trực tiếp thực hiện giám định đối tượng phù hợp hoặc tương đương hoặc có chứng chỉ đào tạo, cấp thẻ hoặc cấp chứng chỉ đã được xác nhận bởi tổ chức giám định.

3. Hồ sơ đăng ký (01 bộ)

a) Đối với trường hợp cấp mới

- Đơn đăng ký hoạt động giám định sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

- Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và điểm c khoản 2 mục II Phần II hướng dẫn này; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên.

- Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động giám định sản phẩm mật mã dân sự đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- + Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký giám định: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

- + Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động giám định rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực giám định sản phẩm mật mã dân sự phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

+ Trường hợp tổ chức giám định chưa được công nhận: tổ chức giám định nộp bản công bố năng lực giám định sản phẩm mật mã dân sự phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

- Mẫu chứng thư giám định sản phẩm mật mã dân sự.

b) Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi

- Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động giám định sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

- Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên bổ sung, sửa đổi gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 3 Điều 46 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và điểm c khoản 2 mục II Phần II hướng dẫn này; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động giám định theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và tài liệu chứng minh kinh nghiệm giám định của giám định viên. Trường hợp giám định viên của tổ chức giám định có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức giám định có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của giám định viên.

- Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động giám định sản phẩm mật mã dân sự đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký giám định: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

+ Trường hợp tổ chức giám định đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động giám định rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức giám định nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực giám định sản phẩm mật mã dân sự phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

+ Trường hợp tổ chức giám định chưa được công nhận: tổ chức giám định nộp bản công bố năng lực giám định sản phẩm mật mã dân sự phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

c) Trường hợp cấp lại, hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

d) Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động giám định sản phẩm mật mã dân sự, tổ chức giám định phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp giám định viên của tổ chức giám định có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức giám định có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của giám định viên, không phải nộp các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi giám định viên.

4. Hình thức nộp hồ sơ

Tổ chức giám định nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Hồ sơ nộp trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức giám định nộp hồ sơ bản giấy theo quy định bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

5. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định sản phẩm mật mã dân sự

a) Trường hợp cấp mới:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo yêu cầu tổ chức giám định sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức giám định theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP;

- Giấy chứng nhận có hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

b) Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi

- Giấy chứng nhận được cấp bổ sung, sửa đổi áp dụng đối với trường hợp tổ chức giám định bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi giám định sản phẩm mật mã dân sự;

- Trình tự cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại điểm a, mục này;

- Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định sản phẩm mật mã dân sự đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

c) Trường hợp cấp lại:

- Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức giám định có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng;

- Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức giám định có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận, tổ chức giám định lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức giám định. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do;

- Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

III. CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc có chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thực hiện tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp sản phẩm mật mã dân sự.

2. Điều kiện đăng ký

a) Tổ chức hoặc doanh nghiệp nộp hồ sơ bắt buộc phải được thành lập dưới một trong 04 loại hình pháp lý sau đây: Đơn vị sự nghiệp; Tổ chức khoa học và công nghệ; Tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoặc Tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài được thành lập, hoạt động tại Việt Nam;

b) Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, hướng dẫn quốc tế, khu vực chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hóa;

c) Có ít nhất 06 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), trong đó ít nhất 02 chuyên gia đánh giá chính thức có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực bảo mật, an toàn thông tin hoặc có trình độ đại học chuyên ngành khác và có chứng chỉ đào tạo về bảo mật, an toàn thông tin.

Chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức đáp ứng các điều kiện sau:

- Được đào tạo về kỹ năng đánh giá chứng nhận tương ứng theo khung chương trình đào tạo chuyên môn do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn;

Trường hợp đã được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo về kỹ năng đánh giá chứng nhận tương ứng tại cơ sở đào tạo đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố năng lực thực hiện hoạt động đào tạo và chứng chỉ còn hiệu lực sẽ được xem xét miễn yêu cầu này;

- Có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 20 ngày công đối với chương trình chứng nhận tương ứng;

Đối với chương trình chứng nhận sản phẩm mới, sản phẩm đăng ký bổ sung hoạt động chứng nhận, chuyên gia phải có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 05 ngày công đối với các sản phẩm có cùng chủng loại, công nghệ hoặc phương pháp thử nghiệm.

3. Hồ sơ đăng ký (01 bộ)

a) Trường hợp cấp mới

- Đơn đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

- Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 3 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và điểm c khoản 2 mục III Phần II hướng dẫn này; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và tài liệu chứng minh kinh nghiệm đánh giá của chuyên gia đánh giá.

- Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- + Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký chứng nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

- + Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động chứng nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

+ Trường hợp tổ chức chứng nhận chưa được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản công bố năng lực chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự phù hợp với các yêu cầu tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

- Mẫu Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận.

b) Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi, hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi hoạt động chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

- Các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia sửa đổi, bổ sung gồm: bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc Hợp đồng lao động; bản sao các bằng cấp, chứng chỉ theo quy định tại các khoản 3 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và điểm c khoản 2 mục III Phần II hướng dẫn này; tóm tắt kinh nghiệm hoạt động đánh giá theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoạt động đánh giá của chuyên gia đánh giá. Trường hợp chuyên gia đánh giá của tổ chức chứng nhận có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức chứng nhận có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của chuyên gia đánh giá.

- Tài liệu chứng minh năng lực hoạt động chứng nhận bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận đối với toàn bộ phạm vi đăng ký chứng nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận.

Trường hợp tổ chức chứng nhận đã được tổ chức công nhận quy định tại Điều 58 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP hoặc tổ chức công nhận thành lập tại nước ngoài quy định tại Điều 62 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP công nhận nhưng phạm vi đăng ký hoạt động chứng nhận rộng hơn phạm vi được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản sao Chứng chỉ công nhận kèm theo phạm vi được công nhận và bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) đối với phạm vi chưa được công nhận theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

Trường hợp tổ chức chứng nhận chưa được công nhận: tổ chức chứng nhận nộp bản công bố năng lực chứng nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 và tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự (đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm), Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 (đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý) theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

c) Trường hợp cấp lại, hồ sơ gồm Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

d) Trước khi Giấy chứng nhận hết thời hạn hiệu lực 90 ngày, nếu có nhu cầu tiếp tục tham gia hoạt động chứng nhận, tổ chức chứng nhận phải lập 01 bộ hồ sơ như đối với trường hợp cấp mới gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp chuyên gia đánh giá của tổ chức chứng nhận có hồ sơ tại các lần đăng ký cấp trước đó vẫn đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị định số 22/2026/NĐ-CP, tổ chức chứng nhận có văn bản gửi kèm theo bảo lưu hồ sơ nhân sự của chuyên gia đánh giá, không phải nộp các chứng chỉ, tài liệu liên quan đối với mỗi chuyên gia đánh giá.

4. Hình thức nộp hồ sơ

Tổ chức chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký theo hình thức dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Cổng dịch vụ công quốc gia được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Hồ sơ nộp trực tuyến phải được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số.

Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia bị lỗi hoặc thủ tục hành chính này chưa hoàn thiện hạ tầng Dịch vụ công trực tuyến, tổ chức chứng nhận nộp hồ sơ bản giấy theo quy định bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

5. Trình tự cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự

a) Trường hợp cấp mới

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo yêu cầu tổ chức chứng nhận sửa đổi, bổ sung;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức chứng nhận theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP;

- Giấy chứng nhận có hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

b) Trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi

- Giấy chứng nhận được cấp bổ sung, sửa đổi áp dụng đối với trường hợp tổ chức chứng nhận bổ sung, mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự;

- Trình tự cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại điểm a mục này;
- Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

c) Trường hợp cấp lại

- Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức chứng nhận có Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận bản giấy bị mất, hư hỏng;
- Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, tổ chức chứng nhận có nhu cầu đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP và gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chịu trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức chứng nhận. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo và nêu rõ lý do;
- Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận ghi theo thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận đã được cấp. Giấy chứng nhận điện tử được cấp có giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận bản giấy.

IV. THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM, GIÁM ĐỊNH, CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM MẬT MÃ DÂN SỰ

1. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- a) Tổ chức vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 8 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- b) Tổ chức vi phạm 02 lần liên tiếp các quy định về đánh giá sự phù hợp theo pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và các quy định tại Nghị định Nghị định số 22/2026/NĐ-CP;
- c) Tổ chức không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tương ứng quy định tại Điều 68 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP trong 02 năm;
- d) Tổ chức không bảo đảm một trong các điều kiện tương ứng đối với tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định tại khoản 2 mục I, khoản 2 mục II, khoản 2 mục III Phần II hướng dẫn này;
- đ) Tổ chức giả mạo hoặc khai man các tài liệu trong hồ sơ cấp, cấp lại, cấp bổ sung Giấy chứng nhận; cấp không kết quả đánh giá sự phù hợp;
- e) Tổ chức tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký được cấp;

g) Tổ chức không thực hiện khắc phục các vi phạm theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra;

h) Tổ chức vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ thông tin, dữ liệu, khóa mật mã hoặc các thông tin thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành mật mã dân sự gây hậu quả nghiêm trọng;

i) Tổ chức có văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động thử nghiệm, giám định, chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự.

2. Thẩm quyền thu hồi

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, chứng nhận sản phẩm mật mã dân sự.

3. Tổ chức đánh giá sự phù hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 1 mục IV Phần II hướng dẫn này chỉ được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận tối thiểu sau 06 tháng, kể từ khi có thông báo thu hồi Giấy chứng nhận và đã khắc phục các vi phạm./.